

Số: 252 /TTr-UBND

Hà Tĩnh, ngày 06 tháng 7 năm 2020

TỜ TRÌNH

**Thông qua Nghị quyết về một số chính sách hỗ trợ phục hồi
sản xuất kinh doanh thúc đẩy phát triển kinh tế
trong điều kiện phòng, chống dịch Covid-19**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và đảm bảo trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch Covid-19;

Thực hiện Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19;

Thực hiện Thông báo số 154/TB-VPCP ngày 12/4/2020 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại Hội nghị trực tuyến của Chính phủ với các địa phương về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách để tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công, bảo đảm an sinh xã hội, trật tự an toàn xã hội ứng phó với đại dịch Covid-19;

Thực hiện Chỉ thị số 44-CT/TU ngày 12/6/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo phục hồi sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy phát triển kinh tế trong điều kiện phòng, chống dịch Covid-19;

Thực hiện kết luận tại cuộc họp Thường trực HĐND tỉnh ngày 30/6/2020;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 1660/SKHĐT-DNĐT ngày 03/7/2020; Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 249/BC-STP ngày 12/6/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết về một số chính sách hỗ trợ phục hồi sản xuất kinh doanh thúc đẩy phát triển kinh tế trong điều kiện phòng, chống dịch Covid-19.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Dịch Covid-19 đã lan rộng và bùng phát trên toàn cầu, tác động sâu rộng, ảnh hưởng đến mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội; ảnh hưởng do dịch Covid-19 đã tác động rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải, du lịch, lưu trú và xuất khẩu hàng hóa,... Bên cạnh đó do yêu cầu giãn cách xã hội để hạn chế lây lan dịch bệnh,

hiều doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc tập hợp lao động, hoạt động sản xuất bị thu hẹp hoặc tạm đóng cửa.

Nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh, ngoài các giải pháp, cơ chế, chính sách hỗ trợ của Trung ương, UBND tỉnh đã rà soát đánh giá đầy đủ tác động của dịch bệnh đối với các doanh nghiệp trên địa bàn, rà soát các cơ chế chính sách đã ban hành để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp, góp phần hỗ trợ doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh. Do đó, việc xây dựng, ban hành một số chính sách hỗ trợ phục hồi sản xuất kinh doanh thúc đẩy phát triển kinh tế trong điều kiện phòng, chống dịch Covid-19 là cần thiết.

II. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 1304/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 về thành lập Ban chỉ đạo xử lý, xử lý, tháo gỡ vướng mắc, khó khăn trong sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, triển khai thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn. Sở Kế hoạch và Đầu tư - Cơ quan Thường trực Ban chỉ đạo đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng Đề án Phục hồi sản xuất kinh doanh thúc đẩy phát triển kinh tế trong điều kiện phòng, chống dịch Covid-19; báo cáo UBND tỉnh, Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh và Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến.

Trên cơ sở ý thống nhất của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Kinh tế Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao cơ quan soạn thảo tiếp thu lấy ý kiến của các Sở, ngành có liên quan gồm: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Công thương, Văn hóa - Thể thao và du lịch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và xã hội, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh¹ để hoàn thiện Dự thảo Nghị quyết, trình Sở Tư pháp thẩm định đồng thời chỉ đạo các Sở: Công thương, Văn hóa Thể thao và du lịch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu, giải trình các nội dung liên quan đến chính sách hỗ trợ xuất khẩu, chính sách hỗ trợ phát triển du lịch, chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi lợn theo yêu cầu.

III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục: Dự thảo văn bản gồm 5 Điều

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

Điều 2: Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị quyết liên quan đến phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh như: Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng trong khu vực Cửa khẩu Quốc tế Cầu Treo; phí cấp Giấy phép xây dựng; phí thẩm định báo cáo đánh giá tác

¹ Văn bản số 2117/STC-HCSN ngày 10/6/2020 của Sở Tài chính; Văn bản số 1463/SXD-VP ngày 10/6/2020 của Sở Xây dựng; Văn bản số 640/SVHTTTDL-DL ngày 10/6/2020 của Sở Văn hóa Thể thao và du lịch; Văn bản số 1773/STNMT-VP ngày 10/6/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường; Văn bản số 1135/SNN-KHTC ngày 10/6/2020 của Sở Nông nghiệp; Văn bản số 406/KKT-KHTH ngày 10/6/2020 của BQL Khu kinh tế tỉnh; Văn bản số 825/SCT-QLTM8 ngày 15/6/2020 của Sở Công thương; Văn bản số 962/SGĐĐT-GDTX&CN ngày 09/6/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo; Văn bản số 1274/SLĐTĐH-LĐVL ngày 10/6/2020 của Sở Lao động Thương binh và xã hội; Văn bản số 1785/SGTVT-KH ngày 09/6/2020 của Sở Giao thông Vận tải.

động môi trường lần đầu, phí thẩm định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phí trước bạ lần đầu đối với xe ô tô từ 09 chỗ trở xuống.

Điều 3. Điều chỉnh nội dung tại Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 81/2017/NQ-HĐND tỉnh ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh quy định một số chính sách phát triển du lịch đến năm 2025 và những năm tiếp theo

Điều 4. Ban hành một số chính sách mới thực hiện đến hết năm 2020 gồm: chính sách hỗ trợ xuất khẩu, chính sách hỗ trợ phát triển du lịch và chính sách hỗ trợ chăn nuôi lợn.

Điều 5. Điều khoản thi hành.

2. Nội dung cơ bản của các chính sách hỗ trợ.

2.1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị quyết liên quan đến phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh như sau:

- Sửa đổi khoản 1 Điều 1, Nghị quyết số 148/2019/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND như sau:

“ 1. Sửa đổi điểm e, khoản 2 Điều 5 như sau:

e) Mức thu phí:

TT	Phương tiện vận tải chở hàng hóa	Mức phí theo NQ số 148/2019/NQ- HĐND	Mức phí đề xuất (đồng/xe/lượt)	Chênh lệch Tăng (+) Giảm (-)
I	Phương tiện vận tải chở hàng hóa xuất, nhập khẩu, tạm xuất - tái nhập			
1	Phương tiện có tải trọng dưới 05 tấn	40.000	30.000	-10.000
2	Phương tiện có tải trọng từ 05 tấn đến dưới 10 tấn	80.000	60.000	-20.000
3	Phương tiện có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 20 tấn, xe container 20Feet	160.000	120.000	-40.000
4	Phương tiện có tải trọng từ 20 tấn trở lên, xe container 40Feet	300.000	240.000	-60.000
II	Phương tiện vận tải chở hàng hóa tạm nhập - tái xuất, hàng hóa quá cảnh, chuyển khẩu, hàng hóa gửi kho ngoại quan			
1	Phương tiện có tải trọng dưới 05 tấn	160.000	120.000	-40.000
2	Phương tiện có tải trọng từ 05 tấn đến dưới 10 tấn	280.000	220.000	-60.000
3	Phương tiện có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 20 tấn, xe container 20Feet	400.000	320.000	-80.000
4	Phương tiện có tải trọng từ 20 tấn trở lên, xe container 40Feet	600.000	480.000	-120.000

Thời hạn áp dụng: Đến hết ngày 31/12/2020.

- Sửa đổi điểm d, khoản 6 và điểm đ, điểm g, khoản 8 Điều 5 Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

a) Sửa đổi điểm d, khoản 6 Điều 5 như sau:

“d) Mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường lần đầu:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tên nhóm/Tổng vốn đầu tư	Mức thu theo Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND					Mức thu sau khi sửa đổi				
	≤ 50	> 50 và ≤ 100	> 100 và ≤ 200	> 200 và ≤ 500	> 500	≤ 50	> 50 và ≤ 100	> 100 và ≤ 200	> 200 và ≤ 500	> 500
Nhóm 1: Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường	4,0	5,2	9,6	10,5	11,9	3,2	4,16	7,68	8,4	9,52
Nhóm 2: Dự án công trình dân dụng	5,5	6,8	12	12,5	17,5	4,4	5,44	9,6	10	14
Nhóm 3: Dự án hạ tầng kỹ thuật	6,0	7,6	13,6	14	17,5	4,8	6,08	10,88	11,2	14
Nhóm 4: Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	6,3	7,6	13,6	14	16,8	5,04	6,08	10,88	11,2	13,44
Nhóm 5: Dự án Giao thông	6,5	8,0	14,4	15	17,5	5,2	6,4	11,52	12	14
Nhóm 6: Dự án Công nghiệp	6,7	8,4	15,2	16	18,2	5,36	6,72	12,16	12,8	14,56
Nhóm 7: Dự án khác (không thuộc các nhóm trên)	4,0	4,8	8,64	9,5	10,92	3,2	3,84	6,91	7,6	8,73

Thời hạn áp dụng: Đến hết ngày 31/12/2020.”

b) Sửa đổi điểm đ và điểm g khoản 8 Điều 5 như sau:

“đ) Mức thu phí đối với tổ chức; cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuê đất thực hiện dự án đầu tư; tổ chức, cá nhân nước ngoài:

TT	Nội dung thu	Mức thu theo NQ 26/2016/NQ-HĐND (đồng/hồ sơ)	Mức thu sau khi sửa đổi
I	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu gắn với giao đất, cho thuê đất, công nhận QSD đất,		

	cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển nhượng tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất (bao gồm cả trường hợp có chứng nhận hoặc không chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất):		
1	Đối với đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp, đất công cộng không kinh doanh.	500.000	400.000
2	Đối với đất để thực hiện dự án sản xuất, kinh doanh:		
-	Dưới 01 ha	1.000.000	800.000
-	Từ 01 ha đến dưới 05 ha	2.000.000	1.600.000
-	Từ 05 ha đến dưới 10 ha	3.000.000	2.400.000
-	Từ 10 ha trở lên	5.000.000	4.000.000
II	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gắn với chuyển quyền sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất	500.000	400.000
III	Cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Cấp bổ sung quyền sở hữu tài sản trên đất.	500.000	400.000

g) Mức thu phí đối với hộ gia đình, cá nhân trong nước; người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam:

TT	Nội dung thu	Mức thu theo NQ 26/2016/NQ-HĐND (đồng/hồ sơ)	Mức thu sau khi sửa đổi
I	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu gắn với giao đất, cho thuê đất, công nhận QSD đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển nhượng tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất (bao gồm cả trường hợp có chứng nhận hoặc không chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất):		
1	Đối với đất làm nhà ở khu vực đô thị	100.000	80.000
2	Đối với đất làm nhà ở khu vực nông thôn	30.000	24.000
3	Cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh:		
-	Dưới 01 ha	500.000	400.000
-	Từ 01 ha đến dưới 05 ha	1.000.000	800.000

-	Từ 05 ha đến dưới 10 ha	2.000.000	1.600.000
-	Từ 10 ha trở lên	3.000.000	2.400.000
II	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gắn với chuyển quyền sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất (áp dụng đối với trường hợp thuê đất để sản xuất, kinh doanh)	500.000	400.000
III	Cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Cấp bổ sung quyền sở hữu tài sản trên đất (áp dụng đối với trường hợp thuê đất để sản xuất, kinh doanh).	500.000	400.000

Thời hạn áp dụng: Đến hết ngày 31/12/2020.

- Điều chỉnh điểm đ khoản 6 Điều 6 Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; cụ thể như sau:

“đ) Mức thu:

TT	Nội dung	Mức thu theo NQ 26/2016/NQ-HĐND (đồng/hồ sơ)	Mức thu sau khi sửa đổi
1	Cấp phép xây dựng nhà ở riêng lẻ của nhân dân (thuộc đối tượng phải có giấy phép)	60.000	30.000
2	Cấp phép xây dựng các công trình khác, bao gồm: cấp giấy phép cho dự án, cấp giấy phép theo giai đoạn cho dự án, công trình không theo tuyến, công trình theo tuyến trong đô thị, công trình tôn giáo, công trình tín ngưỡng, công trình tượng đài, tranh hoành tráng, công trình quảng cáo	130.000	75.000
3	Trường hợp điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy cấp phép xây dựng	15.000	7.500

Thời hạn áp dụng: Đến hết ngày 31/12/2020.

- Sửa đổi điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 15/7/2017 của HĐND tỉnh sửa đổi một số khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, cụ thể như sau:

“b) Mức thu lệ phí: 10% giá trị tài sản tính lệ phí trước bạ.

Thời hạn áp dụng: Đến hết ngày 31/12/2020.

2.2. Điều chỉnh nội dung tại Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 81/2017/NQ-HĐND tỉnh ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh quy định một số chính sách phát triển du lịch đến năm 2025 và những năm tiếp theo, cụ thể như sau:

- Điều kiện áp dụng: Hỗ trợ xây dựng nhà hàng (kinh doanh độc lập với cơ sở lưu trú) đã được cơ quan có thẩm quyền cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch theo quy định của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch từ năm 2018 trở đi, đáp ứng điều kiện có quy mô diện tích sàn từ 300m² trở lên trong tỉnh (không bao gồm bãi đỗ xe, khuôn viên).

- Mức hỗ trợ: Tối đa 300.000đ/m² sàn xây dựng và không quá 200 triệu đồng/cơ sở.

- Thời hạn áp dụng: Đến hết năm 2025.

2.3. Ban hành một số chính sách mới thực hiện đến hết năm 2020.

(1). Chính sách hỗ trợ xuất khẩu.

a) Các nội dung hỗ trợ hoạt động xuất khẩu

- Hỗ trợ chi phí thu mua, dự trữ nguyên liệu sản xuất, chế biến để xuất khẩu: Hỗ trợ 50% lãi vay thu mua, dự trữ nguyên liệu phục vụ sản xuất, chế biến để xuất khẩu theo hợp đồng tín dụng giữa doanh nghiệp và tổ chức tín dụng. Mức hỗ trợ không quá 400 triệu đồng/doanh nghiệp trong thời gian hỗ trợ.

- Hỗ trợ chi phí vận chuyển: Các tổ chức, doanh nghiệp xuất khẩu khi vận chuyển sản phẩm đến các cửa khẩu, cảng biển để xuất khẩu, khoảng cách vận chuyển từ 60km đến 150km được hỗ trợ 50.000 đồng/tấn; đối với khoảng cách vận chuyển từ 150 km trở lên, được hỗ trợ 100.000 đồng/tấn (khoảng cách được tính từ địa điểm đặt nhà máy, cơ sở chế biến, kho hàng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến cửa khẩu, cảng biển để xuất khẩu). Mức hỗ trợ không quá 300 triệu đồng/tổ chức trong thời gian hưởng chính sách.

- Hỗ trợ tìm kiếm thị trường xuất khẩu mới của doanh nghiệp so với thời điểm trước khi dịch bệnh Covid-19 xảy ra với mức hỗ trợ 50 triệu đồng/01 loại sản phẩm/01 thị trường mới (quốc gia hoặc vùng lãnh thổ).

b) Thời hạn áp dụng: Đến hết ngày 31/12/2020.

c) Nguồn kinh phí: Ngân sách tỉnh

(2). Chính sách hỗ trợ phát triển du lịch đến hết năm 2020.

a) Các nội dung hỗ trợ:

- Hỗ trợ 50% lãi vay theo các hợp đồng tín dụng của các Ngân hàng thương mại cho các khoản vay mới ngắn hạn, trung hạn và dài hạn bằng đồng Việt Nam. Mỗi tổ chức/cá nhân kinh doanh hoạt động du lịch chỉ được hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay trong năm 2020 để kinh doanh, đầu tư mở rộng quy mô, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp dự án ban đầu.

- Hỗ trợ (một lần) chi phí mua sắm trang thiết bị, dụng cụ, chế phẩm sinh học, thuê nhân lực vệ sinh môi trường cho khu điểm du lịch được UBND tỉnh công nhận. Mức hỗ trợ 100 triệu đồng/khu, điểm.

- Hỗ trợ các đơn vị kinh doanh lữ hành đưa tối thiểu 20 khách/đoàn đến tham quan tại các khu, điểm du lịch, di tích, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh, có lưu trú ít nhất 01 đêm tại các cơ sở lưu trú trên địa bàn tỉnh. Mức hỗ trợ: 50.000đ/khách; không quá 100 triệu đồng/1 đơn vị lữ hành.

- Miễn phí tham quan tại các khu, điểm di tích, danh lam thắng cảnh đang thu phí trên địa bàn tỉnh.

- Hỗ trợ hoạt động hai tuyến xe buýt “không đồng”: Vincom - Thiên Cầm, Vincom - Lộc Hà các ngày trong tuần (mỗi ngày mỗi tuyến chạy 16 lượt; buổi sáng 6 lượt bắt đầu từ 5h00; buổi chiều 10 lượt, bắt đầu từ 16h30, chuyến cuối cùng lúc 21h30).

b) Thời hạn áp dụng: Đến hết ngày 31/12/2020.

c) Nguồn kinh phí: Ngân sách tỉnh.

(3) Chính sách hỗ trợ chăn nuôi lợn đến hết năm 2020

- Các trang trại chăn nuôi lợn nái cấp bố mẹ có quy mô chuồng trại từ 20 con đến dưới 60 con đang dừng chăn nuôi đảm bảo các điều kiện:

+ Đã có chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có).

+ Khoảng cách từ trang trại đến khu tập trung xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, khu dân cư tối thiểu là 100m; trường học, bệnh viện, chợ tối thiểu là 150m.

+ Chuồng trại: Bố trí các ô chuồng phù hợp với từng loại lợn, theo các giai đoạn: Đẻ, mang thai, cai sữa.

+ Có Kế hoạch bảo vệ môi trường, công trình xử lý chất thải theo quy định, có hệ thống biogas để xử lý chất thải tối thiểu 01m³/con.

+ Nái hậu bị cấp bố mẹ đạt khối lượng tối thiểu 80kg/con; có hồ sơ con giống theo quy định.

- Các hộ chăn nuôi lợn thịt có quy mô chuồng trại từ 20 con đến dưới 50 con đang dừng chăn nuôi đảm bảo các điều kiện:

+ Khoảng cách từ chuồng nuôi đến nguồn nước, khu sinh hoạt gia đình và các hộ dân xung quanh tối thiểu 10m.

+ Về chuồng trại, xử lý chất thải và bảo vệ môi trường: diện tích chuồng nuôi đảm bảo tối thiểu 01 m²/con. Có hệ thống biogas để xử lý chất thải tối thiểu 01m³/con.

b) Nguyên tắc hỗ trợ: Hỗ trợ 01 lần khi đảm bảo các điều kiện tại Mục a và hoàn thành việc mua con giống đưa vào chăn nuôi.

c) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 01 lần kinh phí mua lợn nái hậu bị cấp bố mẹ, lợn giống thương phẩm. Mức hỗ trợ: 05 triệu đồng/con lợn nái hậu bị, tối đa 150

triệu/trang trại; 01 triệu đồng/con lợn giống thương phẩm, tối đa 20 triệu đồng/hộ.

d) Thời hạn áp dụng: Đến hết ngày 31/12/2020.

e) Nguồn kinh phí: Ngân sách tỉnh.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân Hà Tĩnh khoá XVII, kỳ họp thứ ... thông qua ngày .../.../2020 và có hiệu lực từ ngày .../.../2020. Thời hạn áp dụng đối với từng chính sách được quy định cụ thể tại các Điều trên../.

(Có dự thảo Nghị quyết gửi kèm)

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết về một số chính sách hỗ trợ phục hồi sản xuất kinh doanh thúc đẩy phát triển kinh tế trong điều kiện phòng, chống dịch Covid-19./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, PVP UBND tỉnh;
- Trung tâm TT-CB-TH;
- Lưu: VT, TH, KT1.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hồng Lĩnh